

Đề thi tiếng Anh lớp 9 học kì 2 số 1

Bản quyền thuộc về VnDoc nghiêm cấm mọi hành vi sao chép vì mục đích thương mại

PART A. LANGUAGE FOCUS (4.0 POINTS)

I. Chọn một từ có phần gạch chân phát âm khác các từ còn lại. Khoanh tròn A,B,C hoặc D ứng với từ chọn như ví dụ (câu 0) đã làm. (0.6 điểm)

0. A. lively B. healthy ©. deny D. crazy
1. A. variety B. bilingual C. dialect D. derivative
2. A. accent B. dialect C. ability D. variatiey
3. A. documentary B. population C. stimulate D. maximum

II. Chọn một từ có trọng âm chính rơi vào vị trí âm tiết khác các từ còn lại. Khoanh tròn A, B,C hoặc D ứng với từ chọn như ví dụ (câu 0) đã làm. (0.4 điểm)

0. A. enjoy B. control ©. helpful D. again
1. A. mysterious B. generous C. extensive D. pollution
2. A. exchange B. purpose C. casual D. fashion

III. Chọn một từ/ cụm từ thích hợp nhất để hoàn chỉnh các câu sau. Khoanh tròn A,B,C hoặc D ứng với từ / cụm từ đúng như ví dụ (câu 0) đã làm. (2.0 điểm)

0. She is always proud _____ her father.
A. since B. in ©. Of D. at
1. The book _____ you lent me is worth to read.
A. what B. which C. whom D. whose
2. The boy _____ is talking with John is my best friend.
A. who B. which C. whom D. whose
3. She had to learn English because she works for a _____ company.
A. big B. world C. multinational D. multifunctional
4. The country was chopped up _____ small administrative areas.
A. into B. to C. between D. from
5. Two weeks ago, Mr. John _____ his reservations.
A. makes B. was made C. made D. has made
6. When I called on her, Mary _____ her room.
A. clean B. cleans C. cleaning D. was cleaning
7. Sarah and her husband _____ the movies last Saturday.
A. was going B. went to C. they went D. went they to
8. Louis Pasteur, _____ discovered a cure for rabies, was a French scientist.
A. he B. that C. who D. whom
9. The system of water pipes has broken. The supply _____.
A. will reduce B. will be reduced
C. will have reduced D. will be reducing

10. Please remember _____ this letter.

- A. to post B. post C. posting D. to have posted

IV. Chọn dạng đúng của từ trong ngoặc để hoàn chỉnh câu như ví dụ (Câu 0) đã làm (1.0 điểm)

0. My ideas needed more careful **exploration (EXPLORE)**

1. There are _____ ways of doing this. (**VARY**)

2. Microgravity means the state of _____. (**WEIGHT**)

3. The new airport is now fully _____. (**OPERATE**)

4. Jack has still been _____ for over the past 6 months. I hope that he will soon find a job. (**EMPLOY**)

5. Although his job is quite good, he still wants to look for another job which provides him more _____ opportunities. (**PROMOTE**)

PART B: READING (3.0 POINTS)

I. Đọc đoạn văn và khoanh tròn một phương án đúng nhất A, B, C hoặc D ứng với mỗi từ hoặc cụm từ thích hợp để điền vào mỗi chỗ trống trong đoạn văn sau. (1.0 điểm)

Mui Ne is located 24 kilometres northeast of Phan Thiet city. It is a fishing village as well as a familiar tourism area in Binh Thuan province. (1) _____ lovely scenery of swaying coconut trees, Mui Ne, meaning “sheltered peninsula”, is one of the famous and popular holiday (2) _____ in the world with 15-kilometre strip of resorts along the beach.

Thank to the shallow and sloped beaches, the blue and clean water, nice sun rarely behind the clouds and cliffs battered by the waves of the sea, sometimes Mui Ne is (3) _____ Hawaii of Viet Nam. The beaches are fantastic with activities such as surfing and kite surfing. But the most attractive scenery at Mui Ne is moving lines of golden sand which is called “Sand Dunes” by local people. The sand is always moving because of the wind and looks like moving waves from a far and that is (4) _____ the dunes never look the same. The scenery is more fascinating at dawn. Mui Ne is really a good ideal for those who are interested in photography.

Mui Ne market and fishing harbor are also a good chance (5) _____ daily life of local fishermen.

- | | | | |
|--------------------|--------------------|----------------|---------------------|
| 1. A. for | B. with | C. through | D. in |
| 2. A. destinations | B. places | C. camps | D. seasons |
| 3. A. regarded | B. found | C. judged | D. considered |
| 4. A. reason | B. the reason | C. reason why | D. the reason why |
| 5. A. to discover | B. for discovering | C. discovering | D. to be discovered |

II. Đọc đoạn văn và trả lời các câu hỏi sau. (2 điểm)

There are more than 3,000 languages in the world today, but only about six are major languages of the world. Two-thirds of the world's populations speak those six languages. More than 300,000,000 people speak English as their first or native language. No one knows how many people speak it as a foreign language. Chinese is the only language with more speakers than English. This is because of the huge population of China, more than one billion people.

English is the native or official language on the one-fifth of the land area of the world. It is spoken in North America, Great Britain, Australia and New Zealand. In South Africa and India it is one of the official languages.

More people study English than any other languages. In many countries, the textbook in universities are in English. Many university classes are taught in English even though the native language is not English. English is the language of international communication. It is the language of international business, research, and science. More than three-fourths of the world's mail is written in English. More than three-fifths of the world's radio stations use English. More than half of the scientific and research journals are in English. Most other languages have borrowed many English words.

A. Choose the best answer a, B, C or D to complete the sentences:

1. What language has the most speakers in the world?

- A. English B. French C. Chinese D. Russian

2. _____ people speak English as their first or native language.

- A. Two-thirds of the world's population B. Over 300 million
C. About 300 million D. nearly 300 billion

B. Answer the questions:

1. Are Chinese and Arabic probably major languages of the world?

2. What percent of the world's radio stations are in English?

3. Why do some countries use English textbooks even though English is not the native language?

PART C: WRITING (3.0 POINT)

I. Hoàn chỉnh câu thứ hai sao cho nghĩa không thay đổi so với câu thứ nhất. (2.0 điểm)

1. People believe that he was killed by terrorists.

→ He _____

2. Unless you watch TV every day, you won't know much new news.

→ If you _____

3. The young boy is naughty. He rides an expensive motorbike.

→ The young boy who _____

4. In spite of the high prices, my daughter insists on going to the movies.

➔ Although

5. "Why don't we share the cost of the tour?" said my friend.

➔ My friend suggested

II. Viết một đoạn văn khoảng 100-120 từ về chủ đề sau: (1.0 điểm).

The three most important qualities to be a good teacher.

- Organized
- patient
- skillful and calm

Đáp án đề thi tiếng Anh lớp 9 học kì 2 số 1

PART A. LANGUAGE FOCUS (4.0 POINTS)

I. Chọn một từ có phần gạch chân phát âm khác các từ còn lại. Khoanh tròn A,B,C hoặc D ứng với từ chọn như ví dụ (câu 0) đã làm. (0.6 điểm)

1. D	2. A	3. D
------	------	------

II. Chọn một từ có trọng âm chính rơi vào vị trí âm tiết khác các từ còn lại. Khoanh tròn A, B, C hoặc D ứng với từ chọn như ví dụ (câu 0) đã làm. (0.4 điểm)

1. B	2. A
------	------

III. Chọn một từ/ cụm từ thích hợp nhất để hoàn chỉnh các câu sau. Khoanh tròn A,B,C hoặc D ứng với từ / cụm từ đúng như ví dụ (câu 0) đã làm. (2.0 điểm)

1. B	2. A	3. C	4. A	5. C
6. D	7. B	8. C	9. B	10. A

IV. Chọn dạng đúng của từ trong ngoặc để hoàn chỉnh câu như ví dụ (Câu 0) đã làm (1.0 điểm)

0. My ideas needed more careful **exploration (EXPLORE)**

1. There are various ways of doing this. (VARY)

2. Microgravity means the state of weightless . (WEIGHT)

3. The new airport is now fully operational. (**OPERATE**)

4. Jack has still been _____ unemployed _____ for over the past 6 months. I hope that he will soon find a job. **(EMPLOY)**
5. Although his job is quite good, he still wants to look for another job which provides him more _____ promotion _____ opportunities. **(PROMOTE)**

PART B: READING (3.0 POINTS)

I. Đọc đoạn văn và khoanh tròn một phương án đúng nhất A, B, C hoặc D ứng với mỗi từ hoặc cụm từ thích hợp để điền vào mỗi chỗ trống trong đoạn văn sau. (1.0 điểm)

1. B	2. A	3. A	4. D	5. A
------	------	------	------	------

II. Đọc đoạn văn và trả lời các câu hỏi sau. (2 điểm)

A. Choose the best answer a, B, C or D to complete the sentences:

1. C	2. B
------	------

B. Answer the questions:

1. No, they aren't
2. More than three-fifths of the world's radio stations use English.
3. Because English is the language of international communication. It is the language of international business, research, and science.

PART C: WRITING (3.0 POINT)

I. Hoàn chỉnh câu thứ hai sao cho nghĩa không thay đổi so với câu thứ nhất. (2.0 điểm)

1. He is believed to have been killed by terrorists.
2. If you don't watch TV every day, you won't know much new news
3. The young boy who rides an expensive motorbike is naughty
4. Although the prices are high, my daughter insists on going to the movies.
5. My friend suggested sharing the cost of the tour

Mời các bạn tham khảo thêm nhiều tài liệu Tiếng Anh lớp 9 hay và miễn phí tại:

<https://vndoc.com/tieng-anh-9-moi>